

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số:

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO 6

LUẬT

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Sản phẩm là kết quả của quá trình nghiên cứu, sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc tiêu dùng.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“Hàng hoá là sản phẩm được đưa vào thị trường, tiêu dùng thông qua hoạt động trưng bày, giới thiệu, trao đổi, mua bán, tiếp thị.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“Sản phẩm, hàng hoá không có khả năng gây mất an toàn (sau đây gọi là sản phẩm, hàng hoá nhóm 1) là sản phẩm, hàng hoá trong điều kiện sản xuất, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, không gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường, an ninh, trật tự, an toàn, bảo mật thông tin.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

4. Sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn (sau đây gọi là sản phẩm, hàng hoá nhóm 2) là sản phẩm, hàng hoá trong điều kiện sản xuất, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường, an ninh, trật tự, an toàn, bảo mật thông tin.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Chất lượng sản phẩm, hàng hóa là mức độ của các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa đáp ứng yêu cầu trong tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và được đảm bảo thông qua hạ tầng chất lượng quốc gia nhằm nâng cao năng suất, bảo vệ người tiêu dùng và thúc đẩy thương mại.”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là tổ chức, cá nhân tổ chức và thực hiện việc sản xuất (sau đây gọi là người sản xuất), nhập khẩu (sau đây gọi là người nhập khẩu), xuất khẩu (sau đây gọi là người xuất khẩu), bán hàng, cung cấp dịch vụ, bao gồm cả bán hàng, cung cấp dịch vụ qua thương mại điện tử (sau đây gọi là người bán hàng).”.

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Tổ chức đánh giá sự phù hợp là tổ chức thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, ngoại trừ hoạt động công nhận.”.

h) Bổ sung khoản 10a như sau:

“10a. Thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài) là việc thử nghiệm lại sản phẩm, hàng hóa khi có khiếu nại, tranh chấp về kết quả thử nghiệm hoặc trong trường hợp cơ quan quản lý có thẩm quyền yêu cầu để xác nhận kết quả thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa.”.

i) Sửa đổi, bổ sung khoản 13 như sau:

“13. Kiểm định là hoạt động kỹ thuật theo một quy trình nhất định nhằm đánh giá và xác nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, bao gồm kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định bất thường.”.

k) Sửa đổi, bổ sung khoản 14 như sau:

“14. Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa là việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của quốc gia, vùng lãnh thổ khác thực hiện để phục vụ hoạt động đánh giá phù hợp đối với các sản phẩm, hàng hóa ở Việt Nam.”.

l) Bổ sung các khoản 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 vào sau khoản 17 như sau:

“18. Hạ tầng chất lượng quốc gia là kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm: tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa để hỗ trợ và nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình và môi trường của một quốc gia.

19. Mã số là một dãy số hoặc chữ hoặc gồm cả số và chữ được sử dụng để định danh sản phẩm, dịch vụ, địa điểm, tổ chức, cá nhân.

20. Mã vạch là phương thức lưu trữ và truyền tải thông tin của mã số bằng:

loại ký hiệu vạch tuyến tính (mã vạch một chiều); tập hợp điểm (Data Matrix, QRcode, PDF417 và các mã vạch hai chiều khác); chip nhận dạng qua tần số vô tuyến (RFID) và các công nghệ nhận dạng khác.

21. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa là hoạt động giám sát, xác định được một đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối và kinh doanh.

22. Mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa là mã số định danh cuối cùng trong từng công đoạn của quá trình truy xuất nguồn gốc (bao gồm dãy số hoặc số và chữ liên tiếp được cấu thành từ mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm, số lô/mẻ sản phẩm, thời gian xảy ra sự kiện) và được mã hóa trong vật mang dữ liệu, thể hiện thông tin công khai, minh bạch về sản phẩm, hàng hóa trên thị trường, cung cấp thông tin phục vụ cho truy xuất nguồn gốc.

23. Mã truy vết sản phẩm là dãy số hoặc số và chữ được dùng để định danh sản phẩm ở các công đoạn sản xuất, kinh doanh trong quá trình truy xuất nguồn gốc.

24. Mã truy vết địa điểm là dãy số hoặc số và chữ được dùng để định danh địa điểm diễn ra sự kiện ở các công đoạn sản xuất, kinh doanh trong quá trình truy xuất nguồn gốc.

25. Nhãn hàng hóa là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh được dán, in, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa hoặc trên các chất liệu khác được gắn trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa.

26. Nhãn điện tử là phương tiện hoặc vật thể chứa dữ liệu (tem, nhãn, thẻ và các phương tiện hoặc vật thể phù hợp khác) mã hóa thông tin hoặc kết nối với cơ sở dữ liệu thông tin nhãn hàng hóa, đảm bảo thiết bị điện tử có thể đọc được. Nội dung thể hiện trên nhãn điện tử phù hợp với nội dung trên nhãn hàng hóa, theo quy định pháp luật về nhãn hàng hóa và không làm sai lệch bản chất của hàng hóa. Các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa có thể được hiển thị trên nhãn điện tử.

27. Hộ chiếu số của sản phẩm (DPP-Digital Product Passports) là hộ chiếu được thiết kế để thu thập và chia sẻ dữ liệu về một sản phẩm và chuỗi cung ứng của sản phẩm đó trên toàn bộ chuỗi giá trị.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động liên quan đến an toàn, kiểm dịch, chất lượng sản phẩm, hàng hóa phải tuân thủ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công

bổ áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và được đảm bảo thông qua hạ tầng chất lượng quốc gia. Căn cứ vào khả năng gây mất an toàn, sản phẩm, hàng hóa được quản lý như sau:

a) Sản phẩm, hàng hóa nhóm 1 được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng;

b) Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được quản lý chất lượng trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng.

Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được xác định căn cứ trên khả năng gây mất an toàn có thể xảy ra của sản phẩm, hàng hóa và yêu cầu, khả năng quản lý nhà nước trong từng thời kỳ.

Khả năng gây mất an toàn có thể xảy ra đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được xác định dựa trên một hoặc những yếu tố sau: bản chất hóa học, vật lý, sinh học; kết cấu, nguyên lý hoạt động; quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng, quản lý an toàn thông tin.

Chính phủ quy định cụ thể việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2.

2. Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa là trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh nhằm bảo đảm an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường; góp phần thúc đẩy chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.

3. Quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhằm thực thi các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật.

Hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa phải bảo đảm minh bạch, khách quan, không phân biệt đối xử về xuất xứ hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa, phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đầu tư, phát triển hệ thống thử nghiệm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; có chính sách ưu tiên đầu tư nâng cao năng lực thử nghiệm cho tổ chức thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài).”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá gồm: chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý, chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia khác của tổ chức đánh giá sự phù hợp, chuyên gia đánh giá công nhận, chuyên gia năng suất chất lượng; đào tạo, bồi dưỡng kiểm soát viên chất lượng, công chức làm công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; xây dựng ý thức sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá có chất lượng, vì quyền lợi người tiêu dùng, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường; nâng cao nhận thức xã hội về tiêu dùng, xây dựng tập quán tiêu dùng văn minh; tuyên truyền về vai trò của Giải thưởng chất lượng quốc gia.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, tham gia vào hoạt động đánh giá sự phù hợp chất lượng sản phẩm, hàng hoá; khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân, tổ chức đánh giá sự phù hợp, cơ sở tư vấn, đào tạo, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia.”.

e) Bổ sung khoản 8, khoản 9 vào sau khoản 7 như sau:

“8. Đầu tư, nâng cao năng lực hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng hiện đại, đồng bộ, tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, nhằm cải thiện chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam trong đánh giá, xếp hạng chỉ số hạ tầng chất lượng cho phát triển bền vững (The Quality Infrastructure for Sustainable Development Index, QI4SD).

9. Đầu tư, huy động các nguồn lực trong nước, quốc tế để xây dựng và phát triển sản phẩm, hàng hoá mới, sản phẩm đặc thù tại Việt Nam bài bản, chuyên nghiệp, toàn diện, giúp doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu, hiệu quả vào các chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm, hàng hoá toàn cầu.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Điều kiện, thủ tục, đối tượng, thời gian xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia, cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đạt giải do Chính phủ quy định”.

6. Bổ sung Điều 7a về Hạ tầng chất lượng quốc gia như sau:

“Điều 7a. Hạ tầng chất lượng quốc gia

1. Xây dựng hạ tầng chất lượng quốc gia nhằm nâng cao năng lực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam mở rộng xuất khẩu vào các thị trường mới, tiềm năng, giúp nâng cao vị thế

và niềm tin của Việt Nam trên trường quốc tế; mở rộng sự hợp tác và hỗ trợ nguồn lực từ các quốc gia để phát triển hệ thống tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với nền công nghiệp ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Hạ tầng chất lượng quốc gia hướng đến các mục tiêu:

a) Chuẩn hóa, thống nhất và đồng bộ hóa các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận, khảo sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (bao gồm cả khảo sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên môi trường điện tử) từ trung ương đến địa phương, phù hợp với thông lệ quốc tế;

b) Xây dựng, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng chung các nguồn lực về hạ tầng chất lượng quốc gia;

c) Xây dựng và triển khai quy hoạch phát triển lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quốc gia. Hình thành và phát triển các tổ chức tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, mạng lưới chuyên gia của Việt Nam đạt trình độ khu vực và quốc tế; xây dựng ít nhất một trung tâm kiểm định tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ở mỗi vùng kinh tế trọng điểm; xây dựng một số trung tâm kiểm định đạt chuẩn quốc tế; đầu tư nâng cấp cơ sở đào tạo nghiệp vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;

d) Ứng dụng các nền tảng công nghệ mới, các mô hình quản lý tiên tiến, hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế; hình thành nền tảng số đối với hoạt động đánh giá sự phù hợp để đẩy mạnh việc thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp.

3. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia nhằm hỗ trợ các sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực để xây dựng chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia; xây dựng Kế hoạch về phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, trình Chính phủ phê duyệt.”.

7. Bổ sung Điều 7b về ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau:

“Điều 7b. Ứng dụng công nghệ trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Ứng dụng công nghệ trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng chuyển hình thức kiểm soát đối tượng, công đoạn cụ thể sang quản lý chuỗi sản phẩm, từ khâu nghiên cứu tiền sản xuất, tổ chức sản xuất đến tổ chức phân phối, lưu thông, tiêu dùng và xuất khẩu sản phẩm, hàng

hóa mang thương hiệu Việt Nam.

Đẩy mạnh ứng dụng giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, tạo môi trường sản xuất, kinh doanh minh bạch. Định danh, mã hóa và thu thập thông tin bằng công nghệ máy đọc là bước quan trọng để số hóa, trao đổi dữ liệu điện tử giữa các đơn vị trong chuỗi cung ứng, đồng thời tạo nền tảng cho giải pháp truy xuất nguồn gốc điện tử, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất nhập khẩu.

Ứng dụng công nghệ số trong giám sát và quản lý chất lượng sản phẩm, ghi nhận điện tử giúp kết nối, thu thập, chia sẻ thông tin, hỗ trợ các bên trong chuỗi cung ứng truy xuất nguồn gốc, triệu hồi sản phẩm, quản lý sản xuất, bán hàng, kho bãi và vận chuyển, giúp nhà sản xuất truyền đạt thông tin và nội dung bắt buộc theo quy định.

Xây dựng và triển khai hệ thống của sản phẩm để thu thập và chia sẻ dữ liệu về sản phẩm và chuỗi cung ứng trên toàn bộ chuỗi giá trị, thúc đẩy sản xuất bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tối ưu hóa hiệu quả vật liệu và năng lượng, kéo dài tuổi thọ sản phẩm, đồng thời giúp doanh nghiệp cung cấp thông tin minh bạch cho người tiêu dùng và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực để ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, bao gồm mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, nhãn điện tử, hệ thống của sản phẩm và các công nghệ dựa trên nền tảng mã số, mã vạch.

4. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thể hiện các thông tin về chất lượng trên nhãn hàng hóa, nhãn điện tử, hệ thống của sản phẩm, bao bì, trong tài liệu kèm theo hàng hóa theo quy định của pháp luật; thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm theo quy định của pháp luật.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 12 như sau:

“12. Trả chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy,

ứng dụng công nghệ trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Điều 31; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này.”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Lựa chọn tổ chức đánh giá sự phù hợp để đánh giá sự phù hợp chất lượng hàng hoá do mình nhập khẩu.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Sử dụng mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, nhãn điện tử, hệ chiếu số của sản phẩm, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các dấu hiệu khác cho hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Chịu trách nhiệm về chất lượng, ghi nhãn hàng hoá và lưu giữ hồ sơ nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa do mình nhập khẩu; cung cấp các tài liệu, hồ sơ liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá cho người bán hàng.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Thông tin trung thực về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, hàng hoá.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau:

“11. Tiêu hủy, tái chế, thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng nhưng không tái xuất được; chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu hủy, tái chế, thay đổi mục đích sử dụng hàng hoá và chịu trách nhiệm về hậu quả của việc tiêu hủy, tái chế, thay đổi mục đích sử dụng hàng hoá theo quy định của pháp luật.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 15 như sau:

“15. Trả chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 như sau:

“4. Trả chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, ứng dụng công nghệ trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Điều 31, chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41 và chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Kiểm tra nguồn gốc hàng hóa, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử, mã số, mã

vạch, mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, hộ chiếu số của sản phẩm, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu liên quan đến chất lượng hàng hóa.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Thông tin trung thực về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, hàng hoá.”.

c) Bổ sung khoản 15 như sau:

“15. Tuân thủ quy định của pháp luật về thương mại điện tử, pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa khi bán hàng qua thương mại điện tử.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Được cung cấp thông tin về việc bảo hành hàng hóa, khả năng gây mất an toàn của hàng hoá, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và cách phòng ngừa khi nhận được thông tin cảnh báo từ người sản xuất, người nhập khẩu.”.

14. Bổ sung Điều 25a như sau:

“Điều 25a. Đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước

1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đã đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

b) Được công nhận hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng theo quy định của pháp luật;

c) Phải thực hiện việc thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định thử nghiệm đối với tổ chức thử nghiệm;

d) Đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực thống nhất phương án thừa nhận kết quả đánh giá chỉ định của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực khác, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật liên quan.

3. Thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài)

a) Thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài) đối với sản phẩm, hàng hóa khi có khiếu nại, tranh chấp về kết quả thử nghiệm hoặc trong trường hợp cơ quan quản lý có thẩm quyền yêu cầu. Tổ chức thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan về kết quả thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài).

b) Tổ chức thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài) là tổ chức khoa học và công nghệ đã đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và được chỉ định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Tổ chức thử nghiệm kiểm chứng (trọng tài) được ưu tiên thực hiện thử nghiệm phục vụ hoạt động khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp

Quy định về thoả thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước thực hiện theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. ”.

16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử, mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, hộ chiếu số của sản phẩm, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm cần kiểm tra theo quy định của pháp luật;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử, mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, hộ chiếu số của sản phẩm, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm cần kiểm tra theo quy định của pháp luật;”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Việc miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hoá đã được chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực được thực hiện theo quy định của Chính phủ.”.

17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 như sau:

“a) Lựa chọn áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

b) Công bố tiêu chuẩn áp dụng quy định tại Điều 23 của Luật này và ghi nhãn, sử dụng nhãn điện tử, hộ chiếu số của sản phẩm, thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm theo quy định của pháp luật;

d) Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến quá trình sản xuất, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp hoặc kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật đối với sản phẩm thuộc nhóm 2.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Việc bảo đảm chất lượng sản phẩm sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ trước khi đưa ra thị trường và sản phẩm sản xuất với mục đích sử dụng tại chỗ, không lưu thông trên thị trường được thực hiện theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.”.

18. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“Hàng hóa lưu thông trên thị trường không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất.”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, ứng dụng công nghệ để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Người sản xuất phải trả chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy theo thỏa thuận với tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; trả chi phí ứng dụng công nghệ để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ và theo quy định của pháp luật.”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhập khẩu

1. Hàng hóa nhập khẩu phải được công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định tại Điều 23 của Luật này, ghi nhãn, sử dụng nhãn điện tử theo quy định của pháp luật và thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc, hệ chiếu số của sản phẩm cho sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng quy định biện pháp quản lý dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu phải thực hiện công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Người nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả tự đánh giá sự phù hợp và bảo đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, người nhập khẩu phải kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật.

3. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng quy định biện pháp quản lý dựa trên kết quả giám định, chứng nhận của tổ chức giám định, tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật, người nhập khẩu phải thực hiện kiểm tra chất lượng

khi nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định cụ thể trình tự, thủ tục kiểm tra, việc miễn, giảm kiểm tra, xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.”.

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 như sau:

“1. Người nhập khẩu trả chi phí thử nghiệm, giám định, chứng nhận theo thỏa thuận với tổ chức thử nghiệm, tổ chức giám định, tổ chức chứng nhận chất lượng.”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 3 Điều 38 như sau:

“2. Chịu sự kiểm tra chất lượng hàng hóa theo nội dung kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này.

3. Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục kiểm tra và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.”.

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 45 như sau:

“1. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc phạm vi được phân công theo quy định của Chính phủ.

4. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá quy định tại khoản 1 của Điều này có trách nhiệm phối hợp với cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan khác có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá”.

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 46 như sau:

“3. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra theo quy định của Chính phủ.”.

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 47 như sau:

“6. Ra quyết định xử lý theo thẩm quyền quy định của pháp luật khi nhận được báo cáo của đoàn kiểm tra hoặc kiểm soát viên chất lượng về việc tạm đình chỉ sản xuất, niêm phong, tạm dừng bán hàng. Trường hợp vượt thẩm quyền, cơ quan kiểm tra chuyển hồ sơ và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.”.

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 48 như sau:

“2. Đoàn kiểm tra phải có kiểm soát viên chất lượng là thành viên.”.

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 như sau:

“1. Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xuất trình các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hàng hóa theo nội dung kiểm tra quy định tại Điều 27 và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra theo quy định của Chính phủ; khi cần thiết, yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp bản sao các tài liệu quy

định tại khoản này;”.

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 50 như sau:

“1. Kiểm soát viên chất lượng là công chức, viên chức, sĩ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân được bổ nhiệm vào ngạch kiểm soát viên chất lượng thuộc cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.”.

29. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 51 như sau:

“1. Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xuất trình các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hàng hóa theo nội dung kiểm tra quy định tại Điều 27 và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra theo quy định của Chính phủ; khi cần thiết, yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp bản sao các tài liệu quy định tại khoản này;”

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 5 Điều 68 như sau:

“2. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử, hộ chiếu số của sản phẩm, hạ tầng chất lượng quốc gia, hoạt động đánh giá sự phù hợp, thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp, ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

5. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định cụ thể lĩnh vực sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.”.

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 69 như sau:

“Điều 69. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Xây dựng, ban hành hoặc trình Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hạ tầng chất lượng quốc gia và phát triển sản phẩm, hàng hóa mới, sản phẩm đặc thù tại Việt Nam; chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra; xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định tương ứng.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia và quy định phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

3. Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng theo quy định của Chính phủ.

4. Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nhãn hàng hóa, hộ chiếu số của hàng hóa; quản lý tổ chức đánh giá sự phù hợp; chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi phân công quản lý; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức kiểm chứng (trọng tài) thuộc phạm vi được phân công quản lý trong trường hợp tổ chức công nhận, tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức kiểm chứng (trọng tài) vi phạm pháp luật; chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa; quản lý hoạt động đào tạo chuyên môn về đánh giá sự phù hợp đối với chuyên gia đánh giá thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia khác của tổ chức đánh giá sự phù hợp, chuyên gia năng suất chất lượng, kiểm soát viên chất lượng; tổ chức hoạt động hợp tác quốc tế về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; xem xét, chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp tại nước ngoài đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý.

5. Chủ trì tổ chức đánh giá, đề xuất các hình thức tôn vinh, khen thưởng cấp quốc gia đối với sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc về hoạt động chất lượng sản phẩm, hàng hóa, các tổ chức, cá nhân, tổ chức đánh giá sự phù hợp, cơ sở tư vấn, đào tạo, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; quy định điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật này.

6. Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong cả nước; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đào tạo, phổ biến kiến thức, thông tin về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

7. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong lĩnh vực được phân công theo quy định của pháp luật.

8. Kiểm tra việc xây dựng, ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và các biện pháp để quản lý; việc chỉ định và quản lý tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức kiểm chứng (trọng tài) phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

9. Chủ trì, phối hợp các bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành chuyên đề chất lượng sản phẩm, hàng hóa trọng tâm, trọng điểm hằng năm và tổ chức thực hiện.”.

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 70 như sau:

“Điều 70. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực

1. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo lĩnh vực được phân công, có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng, ban hành hoặc trình Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện

các chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

b) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của bộ, ngành;

c) Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng theo quy định của Chính phủ; căn cứ phạm vi được phân công quản lý, quy định danh mục và quy trình quản lý hàng hóa phải kiểm định, khảo nghiệm ban đầu, kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng;

d) Chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức kiểm chứng (trọng tài) thuộc phạm vi được phân công quản lý trong trường hợp các tổ chức này vi phạm pháp luật; thống nhất phương án thừa nhận kết quả đánh giá chỉ định của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; xem xét, chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp tại nước ngoài;

đ) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật;

e) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật; hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tìm hiểu thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

g) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng, tổ chức triển khai kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra liên ngành chuyên đề chất lượng sản phẩm, hàng hóa trọng tâm, trọng điểm hằng năm và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thừa nhận lẫn nhau đối với kết quả đánh giá sự phù hợp.

2. Chính phủ quy định cụ thể lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.”.

Điều 2. Bãi bỏ một số điều, khoản của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Bãi bỏ quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 25, Điều 30, Điều 35, Điều 36, khoản 2, khoản 3 Điều 37, Điều 39, Điều 40, Điều 44 và khoản 2 Điều 45.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp các sản phẩm, hàng hóa đã được sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường trong thời hạn hiệu lực ghi trên quyết định, thông báo tiếp

nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy, giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy và đã được quản lý theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì tiếp tục được lưu thông trên thị trường.

2. Các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xác định trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì hành tiếp tục được quản lý theo các biện pháp quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo quy định cho đến khi ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trường hợp các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa trước thời điểm Luật này có hiệu lực, tiếp tục được duy trì cho đến hết thời hạn hiệu lực ghi trên giấy chứng nhận, quyết định chỉ định.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI